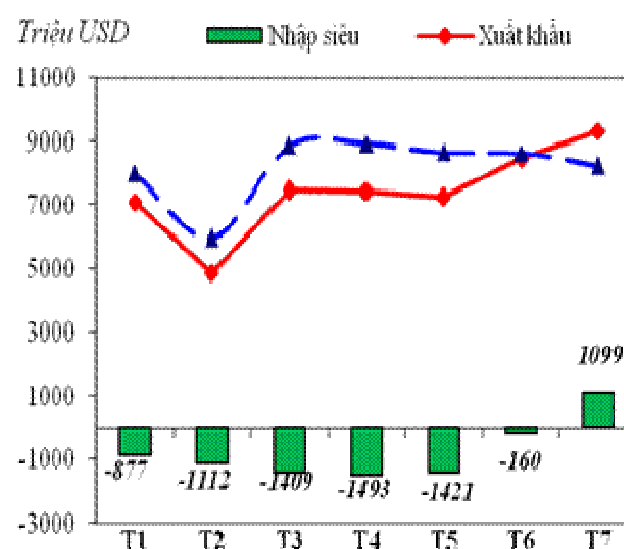


TÌNH HÌNH HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU CỦA VIỆT NAM TRONG THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG NĂM 2011

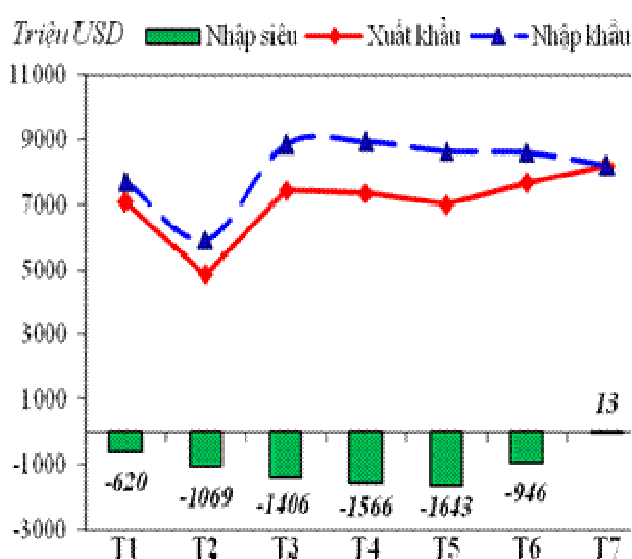
1. Đánh giá chung

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá của cả nước trong tháng 7/2011 đạt 17,54 tỷ USD, tăng 2,7% so với tháng trước đó và tăng tới 33,3% so với tháng 7/2010. Kim ngạch xuất khẩu đạt mức kỷ lục từ trước tới nay với 9,32 tỷ USD, tăng 10,2% so với tháng 6/2011; nhập khẩu là 8,22 tỷ USD, giảm 4,6%. Xuất siêu trong tháng là 1,1 tỷ USD, bằng 13,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.

Biểu đồ 1: Kim ngạch XK, NK và cán cân TM qua các tháng năm 2011 (tính cả XNK đá quý, kim loại quý & sản phẩm)



Biểu đồ 2: Kim ngạch XK, NK và cán cân TM qua các tháng năm 2011 (không tính XNK đá quý, kim loại quý & sản phẩm)



Như vậy, trong 7 tháng đầu năm 2011 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước đạt 110,43 tỷ USD, tăng 30,5% so với cùng kỳ năm trước. Trị giá hàng hoá xuất khẩu đạt 52,51 tỷ USD, tăng 36,2% và nhập khẩu là 57,92 tỷ USD, tăng 25,8%. Cán cân thương mại hàng hóa trong 7 tháng đầu năm thâm hụt 5,41 tỷ USD, bằng 10,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Tính đến hết tháng 7/ 2011, tổng trị giá xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) là 49,64 tỷ USD, tăng 32,5% so với kết quả thực hiện của cùng kỳ năm trước. Tổng trị giá xuất khẩu của các doanh nghiệp này là 23,93 tỷ USD, tăng 34,1% so với cùng kỳ năm 2010 và chiếm 45,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; ở chiều ngược lại tổng trị giá nhập khẩu của các doanh nghiệp này là 25,70 tỷ USD, tăng 31% và chiếm 44,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước 7 tháng 2011.

2. Thị trường xuất khẩu, nhập khẩu

Hết tháng 7/2011, Châu Á tiếp tục là đối tác thương mại lớn nhất của nước ta với kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 72,67 tỷ USD, chiếm 65,8% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Tuy nhiên đây cũng là thị trường duy nhất mà Việt Nam nhập siêu với mức thâm hụt lên tới hơn 20 tỷ USD, bằng 38,6% tổng trị giá xuất khẩu của nước ta.

Ngược lại với thị trường châu Á, trong quan hệ thương mại với các thị trường châu lục khác cán cân thương mại nước ta đều thặng dư, cụ thể: Châu Mỹ: hơn 7 tỷ USD; Châu Âu: 5,86 tỷ USD; Châu Phi: 1,88 tỷ USD, Châu Đại Dương: 37 triệu USD.

Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu với các châu lục 7 tháng 2011 và tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2010

Thị trường	Xuất khẩu			Nhập khẩu		
	Kim ngạch (triệu USD)	Tỷ trọng	So với cùng kỳ 2010 (%)	Kim ngạch (triệu USD)	Tỷ trọng	So với cùng kỳ 2010 (%)
Châu Á	26.205	49,9	41,0	46.461	80,2	27,8
- ASEAN	7.773	14,8	22,9	12.009	20,7	32,6
- Trung Quốc	5.565	10,6	61,6	13.036	22,5	20,3
Châu Mỹ	11.221	21,4	23,5	4.161	7,2	20,1
- Hoa Kỳ	9.339	17,8	22,1	252	0,4	23,5
Châu Âu	11.017	21,0	33,5	5.152	8,9	5,8
- EU(27)	8.818	16,8	47,3	4.033	7,0	12,5
Châu Phi	2.601	5,0	172,1	722	1,2	76,3
Châu Đại Dương	1.462	2,8	(12,5)	1.425	2,5	52,2
Tổng	52.506	100,0	36,2	57.921	100,0	25,8

Tính đến hết tháng 7/2011 có 13 thị trường Việt Nam xuất khẩu trên 1 tỷ USD trong đó có 11 thị trường đạt mức tăng trưởng dương với tốc độ tăng trưởng khá cao, cụ thể: Mỹ: 9,34 tỷ USD, tăng 22,1%; Trung Quốc: 5,56 tỷ USD, tăng 61,6%; Nhật: 5,40 tỷ USD, tăng 30%; Hàn Quốc: 2,60 tỷ USD, tăng gần 86%; Đức: 1,78 tỷ USD, tăng 42,5%; Malaixia: 1,55 tỷ USD, tăng 46,6%; Nam Phi: 1,54 tỷ USD, tăng mạnh với 6,7 lần; Campuchia: 1,32 tỷ USD, tăng 53,6%; Anh: 1,30 tỷ USD, tăng 43,3%; Hà Lan: 1,17 tỷ USD, tăng 33,8%; Ấn Độ: 1,10 tỷ USD, tăng hơn 61% so với cùng kỳ năm 2010.

Ở chiều ngược lại, tính từ đầu năm đến hết tháng 7/2011 có 12 thị trường Việt Nam nhập khẩu trên 1 tỷ USD và đều đạt mức tăng trưởng dương như: Trung Quốc: 13,04 tỷ USD, tăng 20,3%; Hàn Quốc: 6,98 tỷ USD, tăng 34,3%; Nhật: 5,62 tỷ USD, tăng 15,7%; Đài Loan: 5,14 tỷ USD, tăng 31,9%; Singapo: 3,66 tỷ USD, tăng 51,2%; Thái Lan: 3,65 tỷ USD, tăng 21%; Hoa Kỳ: 2,52 tỷ USD, tăng 23,5%; Malaixia: 2,20 tỷ USD, tăng 23,8%... so với cùng kỳ năm trước.

Hết tháng 7/2011 có 5 thị trường Việt Nam nhập siêu trên 2 tỷ USD, trong đó nhập siêu với Trung Quốc lên tới hơn 7,47 tỷ USD; tiếp đến là Hàn Quốc: 4,38 tỷ USD; Đài Loan: 4,18 tỷ USD; Thái Lan: 2,70 tỷ USD Singapore: 2,33 tỷ USD; ...

3. Một số mặt hàng xuất khẩu chính

Hàng thủy sản: Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng đạt gần 559 triệu USD, tăng 7,6% so với tháng trước, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong 7 tháng lên 3,18 tỷ USD, tăng 28,1% so với cùng kỳ năm 2010.

Hết tháng 7/2011 các thị trường chính nhập khẩu nhóm hàng này của nước ta là EU với 765 triệu USD, tăng 22,3%; Hoa Kỳ đạt 597 triệu USD, tăng 43,1%; Nhật Bản đạt 469 triệu USD, tăng 2,2% và Hàn Quốc đạt 250 triệu USD, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2010.

Gạo: tháng 7/2011, cả nước xuất khẩu 652 nghìn tấn gạo, giảm 2,4%, trị giá đạt 324 triệu USD, tăng nhẹ 0,8% so với tháng trước. Tính đến hết tháng 7/2011, lượng xuất khẩu nhóm hàng này là 4,7 triệu tấn, tăng 8,6% và trị giá đạt 2,32 tỷ USD, tăng 10,3% so với 7 tháng 2010.

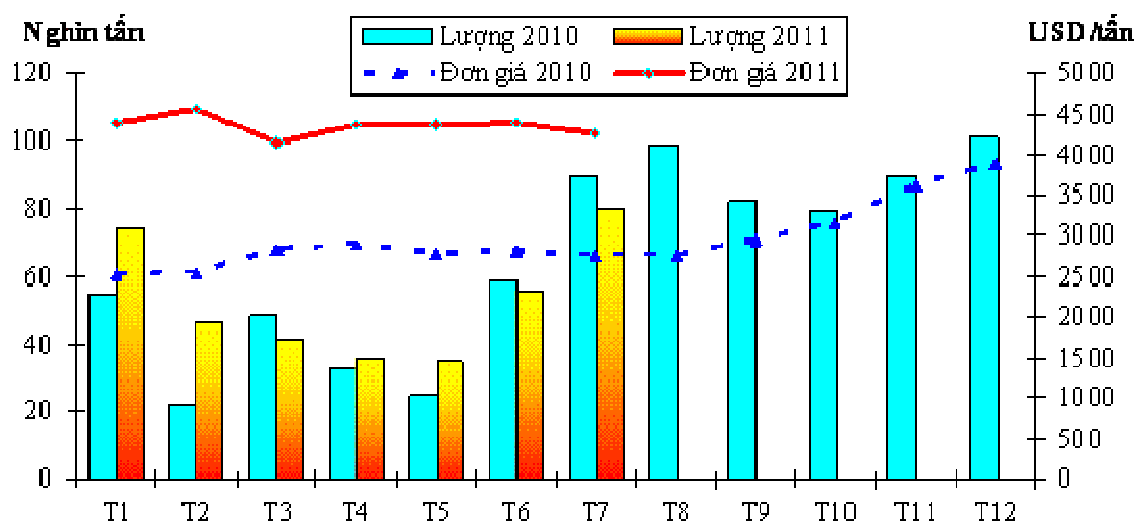
Tính đến hết tháng 7/2011, xuất khẩu gạo của Việt Nam chủ yếu tập trung sang các thị trường: Philippin: 816 nghìn tấn, giảm 44,2%; Ấn Độ: 728 nghìn tấn (7 tháng/2010 là 17 nghìn tấn); Malaixia: 363 nghìn tấn, tăng 79,8%; Xênegan: 352 nghìn tấn, tăng gấp gần 4 lần; Cu Ba: 305 triệu USD, tăng 20,8%; Bănglăđét: 280 nghìn tấn, tăng 90,7% so với cùng kỳ năm trước.

Cà phê: Lượng cà phê xuất khẩu trong tháng 7/2011 là 52 nghìn tấn, trị giá đạt 120 triệu USD, giảm 23,4% về lượng và giảm 23,3% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết 7 tháng/2011, lượng cà phê xuất khẩu của nước ta lên 917 nghìn tấn, trị giá đạt 2,02 tỷ USD, tăng 17,6% về lượng và tăng 82,8% về trị giá so với 7 tháng/2010, tương ứng tăng 915 triệu USD.

Thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của nước ta trong 7 tháng qua là EU: 373 nghìn tấn, tăng 21,2% và chiếm 40,7% tổng lượng xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước; tiếp theo là Hoa Kỳ: 94 nghìn tấn, tăng nhẹ 0,7%; Nhật bản: 32 nghìn tấn, giảm 11,9%... so với 7 tháng/2010.

Cao su: trong tháng 7/2011, lượng cao su xuất khẩu đạt 80 nghìn tấn, trị giá đạt 340 triệu USD, tăng 42,8% về lượng và tăng 39,2% về trị giá so với tháng trước. Tính đến hết tháng 7/2011, tổng lượng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước đạt 369 nghìn tấn, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước, trị giá đạt 1,6 tỷ USD, tăng 77% so với cùng kỳ năm 2010.

Biểu đồ 3: Lượng, đơn giá xuất khẩu bình quân mặt hàng cao su năm 2010 và 7 tháng/2011



Trung Quốc vẫn là đối tác chính nhập khẩu cao su của Việt Nam trong 7 tháng qua với 223 nghìn tấn, tăng 16,7% và chiếm tới 60,5% lượng cao su xuất khẩu của cả nước. Tiếp theo là các thị trường: EU: 33 nghìn tấn, tăng 23,7%; Malaixia: 28 nghìn tấn, tăng 45,5%; Hàn Quốc: 17 nghìn tấn; Đài Loan: 11,8 nghìn tấn...

Dầu thô: Lượng xuất khẩu dầu thô trong tháng là 912 nghìn tấn, tăng mạnh 70,4% so với tháng trước và kim ngạch xuất khẩu trong tháng là 846 triệu USD, tăng 75,7%. Tính đến hết tháng 7/2011, lượng dầu thô xuất khẩu của nước ta đạt 4,83 triệu tấn, giảm 1,6% và kim ngạch đạt 4,26 tỷ USD, tăng 43,7% so với cùng kỳ năm 2010.

Than đá: Sau 3 tháng liên tiếp, lượng xuất khẩu nhóm hàng than đá ở mức trên 2 triệu tấn/tháng, xuất khẩu nhóm hàng này trong tháng 7/2011 đã giảm mạnh so với tháng trước xuống còn 1,17 triệu tấn, giảm 44,5%. Tính đến hết tháng 7/2011, lượng xuất khẩu than đá của cả nước là hơn 10 triệu tấn, giảm 15,2% với trị giá là 958 triệu USD, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm 2010.

Trong 7 tháng qua, lượng xuất khẩu than đá của Việt Nam sang các thị trường chính đều giảm so với cùng kỳ năm trước. Trung Quốc tiếp tục là đối tác lớn nhập khẩu than đá của Việt Nam với 7,74 triệu tấn, chiếm tới 77,2% tổng lượng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước; tiếp theo là thị trường Hàn Quốc: 950 nghìn tấn và Nhật Bản: 833 nghìn tấn...

Hàng dệt may: Xuất khẩu nhóm hàng dệt may trong tháng đạt 1,35 tỷ USD, tăng 2,8% so với tháng 6/2010, nâng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng/2011 lên 7,6 tỷ USD, tăng 30,2% so với cùng kỳ năm 2010.

Hết tháng 7/2011 kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may sang thị trường Hoa Kỳ đạt 3,83 tỷ USD, tăng 16,1%; sang EU đạt 1,46 tỷ USD, tăng 48,3%; sang Nhật Bản đạt 859 triệu USD, tăng 47,2% và sang Hàn Quốc: 379 triệu USD, tăng 2,4 lần so với 7 tháng/2010.

Điện thoại các loại & linh kiện: Trị giá xuất khẩu nhóm hàng điện thoại các loại & linh kiện trong tháng 7/2011 đạt 445 triệu USD, tăng 9,8% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng lên 2,59 tỷ USD, tăng hơn 2,9 lần so với cùng kỳ năm 2010, vươn lên trở thành nhóm hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn thứ 5 của cả nước. Những đối tác chính nhập khẩu điện thoại các loại & linh kiện của Việt Nam trong 7 tháng qua là EU với 1,05 tỷ USD (7 tháng/2010 là 54 triệu USD), chiếm 40,6% tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là Nga: 221 triệu USD, tăng gấp 3,4 lần; Ấn Độ: 191 triệu USD, tăng 86%... so với cùng kỳ năm 2010.

Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng: Trong tháng 7/2011, trị giá xuất khẩu nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng đạt 337 triệu USD, tăng 0,4% so với tháng 6/2010, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng lên gần 2 tỷ USD, tăng 22,1% so với cùng kỳ năm 2010.

Tính đến hết tháng 7/2011, nhóm hàng này được xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường như: Nhật Bản: 466 triệu USD, giảm 1,7%; sang Hoa Kỳ: 298 triệu USD, tăng 92,8%; sang EU: 219 triệu USD, tăng 45,6%; sang Trung Quốc: 145 triệu USD, tăng 11,7% và sang Hồng Kông: 129 triệu USD, tăng 13,6% so với cùng kỳ năm trước.

Giày dép các loại: Kim ngạch xuất khẩu trong tháng đạt 615 triệu USD, giảm 4,7% so với tháng trước, nâng tổng trị giá xuất khẩu nhóm hàng giày dép trong 7 tháng lên hơn 3,63 tỷ USD, tăng 31,2% so với cùng kỳ năm 2010.

Các thị trường chính nhập khẩu nhóm hàng giày dép trong 7 tháng qua là EU: 1,48 tỷ USD, tăng 17,2% và chiếm 40,7% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là thị trường Hoa Kỳ đạt 1,05 tỷ USD, tăng 40,8%; Nhật Bản: 150 triệu USD, tăng 58,3%; Trung Quốc đạt 127 triệu USD, tăng 64%... so với cùng kỳ năm 2010.

4. Một số mặt hàng nhập khẩu chính

Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng: trong tháng, kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng này là 1,21 tỷ USD giảm 2,7% so với tháng trước, nâng tổng trị giá nhập khẩu 7 tháng/2011 lên 8,31 tỷ USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ 2010. Trong đó, khu vực FDI nhập khẩu 3,4 tỷ USD, tăng 26,8% và các doanh nghiệp trong nước nhập khẩu 4,9 tỷ USD, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước.

Nhóm hàng máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng nhập khẩu vào Việt Nam từ đầu năm đến nay có xuất xứ chủ yếu từ: Trung Quốc với 2,82 tỷ USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 33,9% tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này của cả nước. Tiếp theo là Nhật Bản: 1,5 tỷ USD, tăng 7,9%, Hàn Quốc: 666 triệu USD, tăng 17,4%, Đài Loan: 496 triệu USD, tăng 12,1%,...

Xăng dầu các loại: trong tháng, lượng xăng dầu nhập khẩu của cả nước là 510 nghìn tấn, giảm 42,4% so với tháng 6/2011, trị giá là 491 triệu USD, giảm 39,8%. Hết 7 tháng, tổng lượng xăng dầu nhập khẩu của cả nước là 6,55 triệu tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2010 với trị giá là 5,92 tỷ USD, tăng 51%.

Xăng dầu các loại nhập khẩu vào Việt Nam trong 7 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Singapore với 2,88 triệu tấn, tăng 22,7%; Đài Loan: 1,06 triệu tấn, tăng 37,6%; Hàn Quốc: 691 nghìn tấn, giảm 33,4%;....

Phân bón các loại: lượng nhập khẩu trong tháng là 375 nghìn tấn, đạt 172 triệu USD, tương ứng tăng 26,1% về lượng và tăng gần 30% về trị giá so với một tháng thực hiện trước đó. Tính đến hết

tháng 7/2011, lượng nhập khẩu nhóm hàng này đạt 2,21 triệu tấn, tăng 34,3%, trị giá đạt 888 triệu USD, tăng 69,8% so với cùng kỳ năm 2010.

Trong 7 tháng vừa qua, nhóm hàng này được nhập khẩu chủ yếu từ thị trường Trung Quốc: 928 nghìn tấn, tăng gần 43%; Belarus: 281 nghìn tấn, tăng gấp 3,5 lần; Philippin: 172 nghìn tấn, tăng hơn 2 lần; Canada: 132 nghìn tấn, tăng 60,4%; Ixraen: 129 nghìn tấn, tăng hơn 2 lần... so với 7 tháng năm 2010.

Chất dẻo nguyên liệu: trong tháng, lượng nhập khẩu là 198 nghìn tấn, giảm nhẹ 1,4% so với tháng 6/2010, kim ngạch nhập khẩu là 374 triệu USD, giảm 3,8%. Hết tháng 7/2011, tổng lượng nhập khẩu nhóm hàng này là 1,42 triệu tấn, tăng 8,6%, trị giá đạt 2,67 tỷ USD, tăng 29,7% so với cùng kỳ năm trước.

Nhóm hàng chất dẻo nguyên liệu được nhập khẩu vào nước ta trong 7 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Hàn Quốc: 466 triệu USD, tăng 18,5%; Đài Loan: 445 triệu USD, tăng 34,2%; Ảrập Xêút: 387 triệu USD, tăng 41,4%; Thái Lan: 269 triệu USD, tăng 32,6%; Trung Quốc: 198 triệu, tăng mạnh 88,4%... so cùng kỳ năm 2010.

Điện thoại các loại và linh kiện: trong tháng nhập khẩu nhóm hàng này là 195 triệu USD, tăng 32,2% so với tháng trước và nâng kim ngạch nhóm này trong 7 tháng lên 1,16 tỷ USD, tăng mạnh 57,3% so với cùng kỳ năm trước.

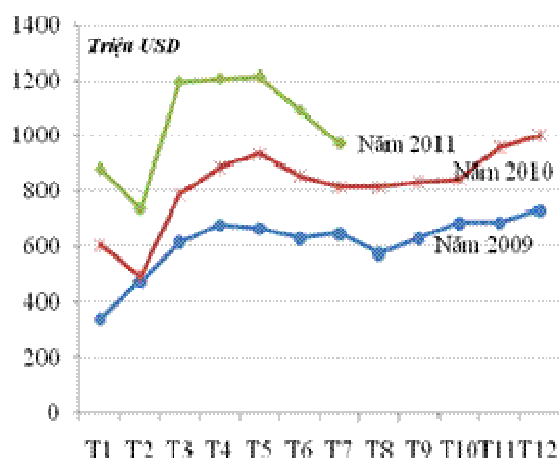
Tính đến hết tháng 7/2011, nhóm hàng này chủ yếu được nhập từ thị trường Trung Quốc với trị giá là 733 triệu USD, chiếm 63% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước và Hàn Quốc với trị giá là 382 triệu USD, chiếm 33%.

Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện: Kim ngạch nhập khẩu trong tháng là 569 triệu USD, tăng 10,2% so với tháng trước, nâng tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng/2011 lên 3,31 tỷ USD, tăng 27,8% so với cùng kỳ năm 2010.

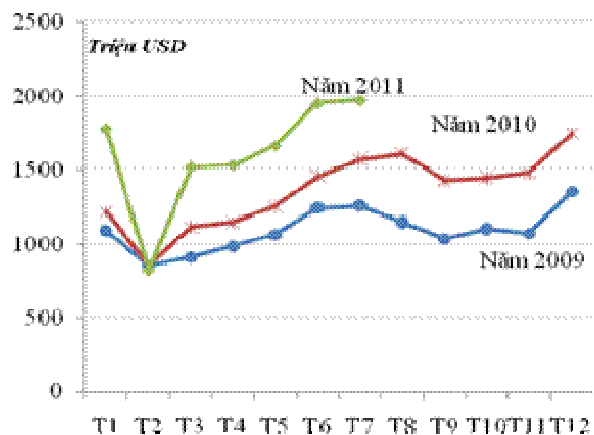
Trong 7 tháng 2011, nhập khẩu nhóm hàng này chủ yếu có xuất xứ từ Trung Quốc: 1,08 tỷ USD, tăng 26,2%; Hàn Quốc: 791 triệu USD, tăng 128%; Nhật Bản: 529 triệu USD, giảm 4,9%; Malaixia: 216 triệu USD, tăng 11% so với 7 tháng năm 2010.

Nguyên liệu, phụ liệu ngành dệt may, da, giày: kim ngạch nhập khẩu trong tháng là 972 triệu USD, giảm 10% so với tháng trước. Trong đó, trị giá nhập khẩu mặt hàng vải là 536 triệu USD, giảm 12% (giảm 72,8 triệu USD về trị giá). Hết 7 tháng 2011, trị giá nhập khẩu nhóm hàng này là 7,3 tỷ USD, tăng 35,6% so với cùng kỳ năm 2010 (cao hơn mức tăng 30,5% của xuất khẩu sản phẩm dệt may và giày dép).

Biểu đồ 4: nhập khẩu nguyên liệu, phụ liệu ngành dệt, may, da, giày từ năm 2009- 7 tháng 2011



Biểu đồ 5: xuất khẩu sản phẩm dệt may và giày dép từ năm 2009- 7 tháng 2011

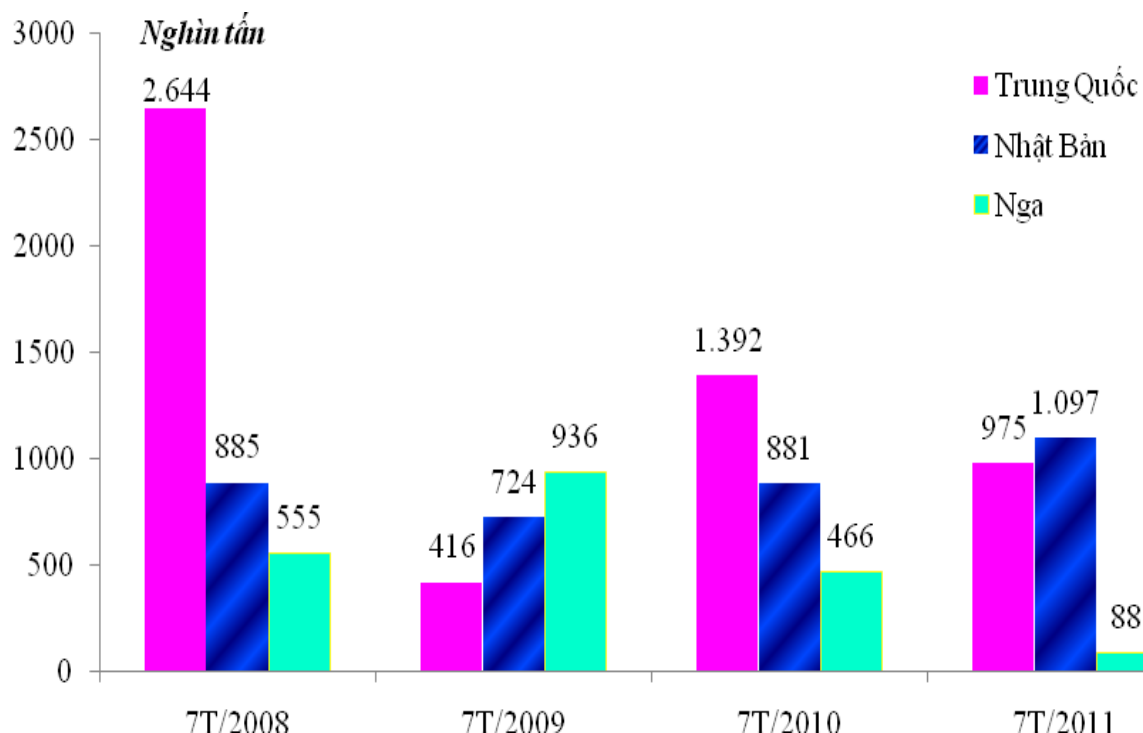


Trong 7 tháng/2011, Việt Nam nhập khẩu nhóm hàng này chủ yếu từ: Trung Quốc với 2,34 tỷ USD, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2010; Hàn Quốc: 1,24 tỷ USD, tăng 30%; Đài Loan: 1,21 tỷ USD, tăng 25,7%; Hoa Kỳ: 524 triệu USD, tăng 138%;

Sắt thép các loại: trong tháng, lượng sắt thép nhập khẩu là 656 nghìn tấn, tăng 19,8% so với tháng trước, trị giá nhập khẩu là 572 triệu USD, tăng 12,2%. Hết 7 tháng/2011, tổng lượng nhập khẩu sắt thép của Việt Nam là 4,24 triệu tấn, giảm 11,5%, kim ngạch là 3,64 tỷ USD, tăng 11,2%. Trong đó, lượng phôi thép là 650 nghìn tấn, giảm 42% với trị giá là 423 triệu USD.

Thị trường cung cấp nhóm hàng sắt thép các loại cho Việt Nam có nhiều thay đổi trong những năm vừa qua. Cùng kỳ năm 2009, Nga là đối tác lớn nhất cung cấp nhóm hàng này cho Việt Nam. Đến năm 2010, Trung Quốc vượt lên dẫn đầu và trong 7 tháng năm 2011, nhập khẩu sắt thép các loại có xuất xứ từ Nhật Bản lại đạt trị giá cao nhất với gần 1,1 triệu tấn, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm 2010.

Biểu đồ 6: Lượng nhập khẩu sắt thép từ 3 thị trường chính Trung Quốc, Nhật Bản và Nga 7 tháng giai đoạn 2008-2011



Phế liệu sắt thép: trong tháng nhập khẩu 256 nghìn tấn, tăng 14,4% so với tháng trước, trị giá nhập khẩu là 121 triệu USD, tăng 15,2%. Như vậy, lượng nhập khẩu phế liệu sắt thép trong 7 tháng 2011 là 1,38 triệu tấn, tăng 26,9% so với cùng kỳ năm trước và đạt trị giá là 623 triệu USD, tăng 49,6%.

Nhập khẩu nhóm hàng này trong 7 tháng qua chủ yếu có xuất xứ từ: Hoa Kỳ: 333 nghìn tấn, Nam phi: 99 nghìn tấn, Ôxtrâylia: 80 nghìn tấn, Chilê: 61 nghìn tấn, Hồng Kông: 51 nghìn tấn...

Số liệu thống kê Hải quan Việt Nam